

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST

Ngày: 05-4-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Thành.

2. Bà Phạm Thị Châu Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Long An, tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn S - Sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1969 - Địa chỉ: Ấp 4, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn K - Sinh năm 1965 và bà Huỳnh Kim P - Sinh năm 1973 - Địa chỉ: Ấp 5, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An. Đại diện hợp pháp của bà P là ông K (Văn bản ủy quyền ngày 19/3/2018). (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị BH - Sinh năm 1975 - Địa chỉ: Ấp 4, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị B - Sinh năm 1979 - Địa chỉ: : Ấp 4, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-12-2017, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thị N trình bày và yêu cầu:

Ngày 01-10-2016, ông Huỳnh Văn K và bà Huỳnh Kim P nhờ ông bà vay 20 triệu đồng để trả tiền nợ vật liệu xây dựng. Số tiền này, ông bà vay của bà Nguyễn Thị BH (em ruột của bà N) để cho ông K bà P vay lại. Bà N giao tiền trực tiếp cho bà P không lập giấy tờ, nhưng có bà Nguyễn Thị B (em dâu của bà N) và bà BH chứng kiến.

Hai bên thỏa thuận lãi là 1 triệu đồng/tháng/20 triệu đồng, bà P cam kết trong thời hạn một tháng sẽ trả lại tiền. Ông K bà P đã trả 7 triệu đồng tiền lãi (7 tháng từ ngày 01-10-2016 đến ngày 01-05-2017), số tiền lãi này bà N đưa lại cho bà BH.

Từ ngày 01-5-2017 đến nay, bà P ông K không trả tiền gốc và lãi; Ông bà yêu cầu nhiều lần, ông K bà P hứa bán cây, hớt hui trả, nhưng không trả; sau đó, hứa bán đất trả, nhưng không nói ngày tháng nên ông bà mới khởi kiện.

Ngoài số tiền này, ông K bà P còn nợ ông bà tiền công xây nhà 65.155.000 đồng, ông bà không khởi kiện chung vụ án này, ông K bà P đã trả được 60 triệu đồng.

Ông bà yêu cầu ông K bà P trả cho ông bà 24.200.000 đồng, gồm 20 triệu đồng tiền gốc và 4.200.000 đồng tiền lãi (20 triệu đồng x 3% x 7 tháng từ ngày 01-5-2017 đến ngày 01-12-2017).

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20-3-2018, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn là ông Huỳnh Văn K, đồng thời là người đại diện của bị đơn là bà Huỳnh Kim P, trình bày: Ông và bà P không đồng ý yêu cầu của ông S bà N vì ông bà không biết và cũng không vay tiền của bà N ông S.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20-3-2018, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị BH trình bày:

Ngày 01-10-2016, bà có cho ông S bà N vay 20.000.000 đồng để ông S bà N cho ông K bà P vay lại. Việc bà cho ông S bà N vay tiền không lập thành văn bản. Sau khi bà giao tiền cho bà N thì bà N giao tiền lại cho bà P.

Bà đã nhận số tiền lãi 7 triệu đồng như bà N trình bày. Bà không yêu cầu ông S bà N trả tiền cho bà trong cùng vụ án, để bà tự thỏa thuận với ông S bà N, trường hợp không thỏa thuận được thì bà yêu cầu bằng vụ án khác. Bà cũng không có yêu cầu gì đối với ông K bà P trong vụ án này.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20-3-2018, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà là em dâu của bà N, sống gần nhà bà N, bà sang chơi, vô tình chứng kiến việc bà BH giao tiền cho bà N 20 triệu đồng, bà N đếm xong giao cho bà P 20 triệu đồng, bà không nhớ rõ thời gian. Bà chỉ là người biết sự việc giao nhận tiền, không liên quan gì trong vụ án nên bà cũng không có yêu cầu gì.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H nhận xét: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo. Về quan điểm giải quyết vụ án: Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp nội dung trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Biên bản hòa giải của tổ hòa giải; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận sự yêu cầu của nguyên đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Vụ án được hòa giải ở Tòa án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thị N khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Huỳnh Văn K và bà Huỳnh Kim P, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[3] Xét yêu cầu của ông S bà N:

[3.1] Ông S bà N yêu cầu ông K bà P trả 20 triệu đồng tiền gốc là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì:

Trình bày của ông S bà N phù hợp với trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà BH và bà B, là ngày 01-10-2016, bà P nhờ bà N vay 20 triệu đồng để trả tiền nợ vật liệu xây dựng. Số tiền này, bà N vay của bà BH để cho vay lại. Bà N giao tiền trực tiếp cho bà P không lập giấy tờ, ngay sau khi nhận tiền từ bà BH, có bà B và bà BH chứng kiến; phù hợp với nội dung trình bày tại biên bản hòa giải ngày 18/10/2017 của tổ hòa giải và Biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2018.

Việc ông K bà P cho rằng không có mượn, nên không biết gì về số nợ là không phù hợp. Ông K cho rằng tại Biên bản hòa giải ông trình bày là số tiền xây nhà còn nợ 65 triệu đồng là không phù hợp vì nội dung biên bản thể hiện việc giải quyết cả 2 nội dung nợ vay và nợ tiền công xây nhà.

[3.2] Ông S bà N yêu cầu ông K bà P trả 4.200.000 đồng tiền lãi (20 triệu đồng x 3%/tháng x 7 tháng từ ngày 01-5-2017 đến ngày 01-12-2017) là có căn cứ chấp nhận một phần.

Hai bên thỏa thuận lãi 5%/tháng (1 triệu đồng/tháng/20 triệu đồng). Bà N đã nhận 7 triệu đồng (7 tháng tiền lãi từ ngày vay đến ngày 01-5-2017) do bà P trả (Số tiền này bà N giao lại cho bà BH, được bà BH thừa nhận).

Đây là hợp đồng có thỏa thuận lãi, nhưng lãi suất ông S bà N đã tính và yêu cầu không phù hợp, cần điều chỉnh lại theo quy định khoản 1 Điều 168 Bộ luật dân sự năm 2015 (lãi suất 1,66%/tháng), đồng thời, cần khấu trừ với số tiền lãi đã nhận, còn lại, khấu trừ tiếp vào phần tiền gốc là phù hợp.

Ghi nhận thời gian yêu cầu tính lãi (gồm thời gian đã tính lãi và thời gian yêu cầu tính lãi tiếp theo) là 14 tháng (từ ngày 01-10-2016 đến ngày 01-12-2017).

Số tiền lãi được điều chỉnh là 4.648.000 đồng (20.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 14 tháng từ ngày 01-10-2016 đến ngày 01-12-2017); Khấu trừ với số tiền lãi đã nhận, còn lại 2.352.000 đồng (7.000.000 đồng - 4.648.000 đồng), tiếp tục khấu trừ vào số tiền gốc, số tiền gốc còn lại là 17.648.000 đồng (20.000.000 đồng - 2.352.000 đồng).

Như vậy, tổng cộng ông K bà P chỉ còn nghĩa vụ trả cho ông S bà N 17.648.000 đồng tiền gốc.

Cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trong việc tính lãi đối với các số tiền chậm thi hành án cho ông S bà N.

[6] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy:

Ông S bà N bị bác yêu cầu 6.552.000 đồng (24.200.000 đồng - 17.648.000 đồng) nên phải chịu 327.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 605.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, hoàn lại cho ông S bà N 277.400 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông K bà P có nghĩa vụ trả cho ông S bà N 17.648.000 đồng nên phải chịu 882.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Huỳnh Văn K và bà Huỳnh Kim P có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thị N 17.648.000 đồng (Mười bảy triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (Phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, người phải thi hành án còn phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Buộc ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thị N phải chịu 327.600 đồng (Ba trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 605.000 đồng (Sáu trăm lẻ năm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, (Theo biên lai thu số 0008144 ngày 14-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), hoàn lại cho ông S và bà N 277.400 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Huỳnh Văn K và bà Huỳnh Kim P phải chịu 882.400 đồng (Tám trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (Ngày 05/4/2018).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương